TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật** Học kỳ: 1
Khóa học : CDK2023 Năm học: 2023
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy Phòng thi: Phòng C06
Ngày thi : 02/01/2024 Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	23CH1C_02	Cao Đức	Anh						
2	002	23CH1C_03	Đặng Hoàng Nhật	Anh						
3	003	23CH1B_01	Nguyễn Nhật	Anh						
4	004	23CH1B_02	Trần Quốc	Anh						
5	005	23CH1B_03	Trần Tuấn	Anh						
6	006	23CH1B_04	Võ Nguyễn Trâm	Anh						
7	007	23CH1B_05	Võ Quốc	Anh						
8	008	23CH1A_01	Nguyễn Hoàng	Bách						
9	009	23CH1B_06	Hồ Ngô Khánh	Bảo						
10	010	23CH1C_04	Nguyễn Quốc	Bảo						
11	011	23CH1A_02	Trần Gia	Bảo						
12	012	23CH1A_03	Trần Huỳnh Quốc	Bảo						
13	013	23CH1C_05	Võ Văn	Bi						
14	014	23CH1B_07	Lê Bình	Chánh						
15	015	23CH1A_04	Nguyễn Duy	Cường						
16	016	23CH1B_09	Thái Trung	Đan						
17	017	23CH1B_10	Bùi Hải	Đăng						
18	018	23CH1A_10	Lâm Hải	Đăng						
19	019	23CH1A_09	Đinh Công	Đạt						
20	020	23CH1C_06	Đinh Tiến	Đạt						
21	021	23CH1C_09	Hồ Duy	Đoan						
22	022	23CH1B_11	Võ Đại	Đức						
23	023	23CH1A_07	Đặng Hồ Thế	Dũng						
24	024	23CH1A_08	Phạm Văn	Dương						
25	025	23CH1B_08	Mai Quốc	Duy						
26	026	23CH1A_05	Nguyễn Khánh	Duy						
27	027	23CH1A_06	Phạm Nhật	Duy						
28	028	23CH1A_11	Bùi Ngọc	Hà						
29	029	23CH1A_12	Trần Châu Quý	Hải						
30	030	23CH1A_13	Lê Bảo	Hân						
31	031	23CH1C_10	Nguyễn Phan Mai	Hậu						
32	032	23CH1A_14	Nguyễn Trung	Hậu						
33	033	23CH1C_11	Vương Quốc	Hiền						
34	034	23CH1C_14	Nguyễn Văn	Hóa						

35	035	23CH1C_12	Lư Phúc Minh	Hoàng						
36	036	23CH1B_12	Nguyễn Minh	Hoàng						
37	037	23CH1C_13	Nguyễn Thanh	Hoàng						

Tổng số: **37**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**
Khóa học : CDK2023
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy
Ngày thi : 02/01/2024

Học kỳ: 1
Năm học: 2023
Phòng thi: Phòng C07
Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	038	23CH1C_17	Đậu Mạnh	Hùng						
2	039	23CH1A_17	Ngô Gia	Hưng						
3	040	23CH1B_13	Hoàng Nguyễn Gia	Huy						
4	041	23CH1A_15	Lê	Huy						
5	042	23CH1A_16	Nguyễn Chánh	Huy						
6	043	23CH1C_16	Trần Thanh	Huy						
7	044	23CH1A_18	Nguyễn Bảo	Kha						
8	045	23CH1A_19	Hồ Vũ Minh	Khang						
9	046	23CH1C_19	Nguyễn Đỗ Gia	Khang						
10	047	23CH1B_14	Phạm Thành	Khang						
11	048	23CH1C_20	Lê Thanh Duy	Khoa						
12	049	23CH1A_20	Nguyễn Đăng	Khoa						
13	050	23CH1A_21	Trần Đạt	Khoa						
14	051	23CH1B_15	Trần Anh	Khôi						
15	052	23CH1B_16	Trần Hoàng	Khương						
16	053	23CH1A_22	Nguyễn Tấn	Kiệt						
17	054	23CH1B_17	Nguyễn Văn	Kiệt						
18	055	23CH1C_22	Tần Văn	Kiệt						
19	056	23CH1B_18	Đỗ Hoàng	Minh						
20	057	23CH1B_19	Lê Chí	Minh						
21	058	23CH1A_23	Nguyễn Đông	Minh						
22	059	23CH1A_24	Nguyễn Việt	Minh						
23	060	23CH1A_25	Lê Hoàng	Nam						
24	061	23CH1B_20	Lê Hoàng	Nam						
25	062	23CH1C_24	Phan Nguyễn Nhật	Nam						
26	063	23CH1B_21	Lê Trọng	Nghĩa						
27	064	23CH1A_26	Trần Đức	Nghĩa						
28	065	23CH1A_27	Phạm Trần Khánh	Nguyên						
29	066	23CH1B_22	Nguyễn Thị	Nhơn						
30	067	23CH1A_28	Triệu Tấn	Phát						
31	068	23CH1A_29	Trương Tuấn	Phát						
32	069	23CH1B_23	Võ Đức	Phát						
33	070	23CH1B_24	Trần Hữu	Phong						
34	071	23CH1C_26	Trần Quốc	Phong						

35	072	23CH1C_27	Võ Dương Nhật	Phong							
36	073	23CH1A_30	Nguyễn Trọng	Phú							
37	074	23CH1C_28	Dương Hoàng	Phúc							

Tổng số: **37**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**
Khóa học : CDK2023
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy
Ngày thi : 02/01/2024

Học kỳ: 1
Năm học: 2023
Phòng thi: Phòng C08
Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	075	23CH1B_25	Nguyễn Ngọc	Phúc						
2	076	23CH1B_26	Trần Trọng	Phúc						
3	077	23CH1A_31	Võ Thị Tâm	Phúc						
4	078	23CH1A_32	Nguyễn Thị Uyên	Phương						
5	079	23CH1A_33	Tạ Hữu	Quý						
6	080	23CH1B_27	Tum Tha	Ra						
7	081	23CH1C_29	Ngô Đại	Tài						
8	082	23CH1A_34	Nguyễn Ngọc	Tân						
9	083	23CH1B_29	Trần Bình	Tân						
10	084	23CH1B_28	Nguyễn Văn	Tánh						
11	085	23CH1B_30	Hồ Nhựt	Tây						
12	086	23CH1C_31	Dương Quốc	Thái						
13	087	23CH1A_35	Huỳnh Thông	Thái						
14	088	23CH1A_37	Nguyễn Minh	Thân						
15	089	23CH1A_36	Đinh Công	Thành						
16	090	23CH1C_32	Phạm Văn	Thảo						
17	091	23CH1C_33	Nguyễn Tấn	Thọ						
18	092	23CH1A_38	Phạm Trường	Thọ						
19	093	23CH1B_32	Nguyễn Thị Anh	Thư						
20	094	23CH1A_39	Bùi Minh	Thuận						
21	095	23CH1B_31	Tạ Ngọc	Thuận						
22	096	23CH1A_40	Trần Văn	Thức						
23	097	23CH1B_33	Trương Minh	Tiến						
24	098	23CH1C_35	Nguyễn Đức	Tính						
25	099	23CH1B_34	Nguyễn Quốc	Toàn						
26	100	23CH1B_35	Nguyễn Bảo	Trân						
27	101	23CH1C_36	Trần Quốc	Trị						
28	102	23CH1B_36	Huỳnh Quốc	Trọng						
29	103	23CH1B_37	Võ Thái	Tú						
30	104	23CH1C_37	Trần Tiến Anh	Tuấn						
31	105	23CH1B_38	Nguyễn Thanh	Tùng						
32	106	23CH1B_39	Hồ Huy	Tường						
33	107	23CH1B_40	Lê Nguyễn Chấn	Vĩ						
34	108	23CH1A_41	Lê Quang	Vinh						

35	109	23CH1A_42	Nguyễn Long	Vũ						
36	110	23CH1B_41	Hoàng Trần Khánh	Vy						
37	111	23CH1A_43	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy						
38	112	23CH1B_42	Trương Hải	Yến						

Tổng số: **38**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa